

KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 11

CHI MẠT. Số nói có hai:

- Nêu lên:

- Giải thích:

Trong phần giải thích có hai, phần đầu số văn quyển mười một lập lại nghĩa tương dụ hợp rõ ràng, tìm văn dễ hiểu. Nhưng, ở đây ẩn dụ cũng chưa hoàn toàn giống nhau. Nếu lấy gốc ngọn so sánh, thì chẳng qua thí dụ trong mộng, đã thấy văn ở trước. Đều do năng lực vô minh, như văn sau nói: “Nên biết vô minh sinh ra tất cả pháp nhiễm”.

Vô minh làm nhân, v.v..., kinh Lăng-già nói: “Vọng tưởng làm nhân, cảnh giới làm duyên, hòa hợp sinh ra”. Trong số lấy đây để chia văn của luận. Trong kinh nói vọng tưởng tức vô minh, vô minh sinh ba tế. Văn sau tức lần lượt phát sinh lẫn nhau, nay chỉ nói trên căn bản, nên nói vô minh làm nhân.

a. Nêu chung:

Sớ: Tướng chẳng lìa thể, chín tướng như nghiệp v.v..chẳng lìa thể bất giác. Vì tướng tức thể, thể tức tướng, nên chẳng lìa nhau.

Ngọn chẳng lìa gốc, là ngọn của ba tế, sáu thô chẳng lìa cội gốc bất giác vô minh. Do ngọn tức gốc, gốc tức ngọn, nên chẳng lìa nhau.

Nướng vô minh khởi tâm vọng: tức bất giác sinh ba tướng. Văn sau nói: “Do nường vô minh mà có A-lại-da”.

Nướng vọng tâm, khởi vô minh: do nường thức A-lại-da nói có vô minh. Kia giống như nường nước có sóng. Tướng sóng đã khởi cũng không lìa nước, do nghĩa đó nên nói tương ứng, chẳng phải nói nghĩa tương ứng theo tâm vương tâm số. Do ba thứ này là bất tương ứng nhiễm.

b. Giải thích riêng:

Trong phần giải thích riêng có ba, mỗi thứ đều có nêu tên, sở y, giải thích, người giảng nên biết rõ.

Nghiệp tướng:

Nêu tên:

Luận: Vô minh nghiệp tướng, ý tiêu biểu hai thứ này không khác thể.

Sở dĩ biết, v.v... trước nói dứt nghiệp tướng, liền thấy tâm tánh thành cứu cánh giác. Chỉ ở trên nghĩa mà nói nương tướng hiển bày thể không khác khác. Nay nêu cả hai. Lại phân biệt bản giác tùy nhiệm nghiệp tướng, nên nói vô minh nghiệp tướng hiển bày giác, bất giác đều có nghiệp tướng, mà chân vọng khác nhau.

Sở y. Luận Do nương v.v... trở xuống.

Sở vô minh Căn bản, do đó chỗ nương là ngay ở căn bản. Như mộng nương vào giấc ngủ.

Giải thích: Luận nói Tâm động v.v... trở xuống, số có hai:

Giải thích riêng văn luận, luận có hai:

Nghĩa động tác: Sở: Động tác là nghĩa nghiệp, là nghiệp dụng vô minh. Tám tướng sau cũng là động tác, cũng là nghiệp dụng vô minh. Nhưng, ở trên nghĩa riêng để lập tên kia, chỉ cái tối sơ ban đầu khởi dụng nên gọi là Nghiệp.

Nêu trái lại, v.v..., như không ngủ thì không có mộng.

Thử giác, tức rốt ráo.

Nghĩa Nhân: Luận nói Động thì v.v... trở xuống.

Sở: Làm nhân là nghĩa nghiệp, trong chín thứ, thì tám thứ trước đều được gọi là Nhân.

Sở dĩ không nói Nghiệp, cũng ở trên nghĩa riêng, nay đây tướng ban đầu làm gốc khổ, nên gọi là Nghiệp.

Như được v.v... trở xuống, là hiển bày trái lại, do tịnh là nhân an vui, nhiệm mẫu, ngược lại biết động niệm tức là nhân khổ.

Nhân động quả khổ v.v..., vì một niệm khởi động thì đầy đủ bốn tướng nhỏ nhiệm, quả khổ của bốn tướng chẳng lìa nhân động của một niệm. Y cứ trong đây tức là A-lại-da hành khổ. Nếu nói theo trước rõ, thì bốn tướng có đồng thời, nên bốn tướng thuộc về chín tướng. Phần đoạn thô khổ cũng ở trong đó.

Cho nên thứ lớp nói v.v..., vẫn không gấp chếp, nghĩa có nương nhân. Nếu nói trên thời gian thì một niệm bất giác không có trước sau. Có nói rằng: Một niệm bất giác, năm uẩn đều sinh, tức là nghĩa ấy.

Nói về hành tướng:

Đây tuy v.v... trở xuống là thông rõ hành tướng, đây chính là ngay trong chín tướng tế trong tế, chưa có chuyển, hiện, tâm, cảnh khác nhau, nên nói một tướng năng sở chẳng phân, v.v... “Tức nay đối với, v.v...”, tự thể tức tự chứng phần.

Như không tướng v.v... trở xuống là dẫn chứng. Tướng là tự thể, cảnh giới là sở duyên.

Nên biết v.v... trở xuống, biết kia đồng với đây.

Chuyển tướng. Số: Nói nương ở trước, v.v..., chuyển giống như khởi, cho thấy rằng đây là nghiệp tướng khởi ở trước. Nhưng tướng khác đều có nghĩa khởi. “Chẳng gọi là Chuyển”, cũng đứng về nghĩa riêng. Như nương vào giấc mộng mà có tâm mộng.

Nếu nương v.v... trở xuống, đứng về mặt biển quả thì đó là tánh biển tịnh bất động, là không thấy có kia đây. Nên biết có cái thấy ấy chỉ là nương vào tánh động, như không có mộng thì không có tâm mộng.

Như thế v.v... trở xuống là trong địa vị một tướng này để nói chẳng nói nguyên do cảnh giới. Do nhỏ nhiệm, vả lại nói (năng biến) hay thấy để làm chuyển tướng. Nhưng, cảnh giới này là hưởng xuống hiện tướng. Vì trong luận chia ra năng kiến sở kiến, mỗi thứ làm một tướng. Nay đây thấy tướng do bên trong phát, chẳng gá nơi cảnh mà sinh, nên gọi là chuyển. Nương vào tướng này mà khởi do duyên, lại lập hiện tướng. Cho rằng ở đây trong năng kiến lại tự có cảnh sâu kín riêng, người học nên biết.

Nhiếp luận v.v... trở xuống, là dẫn chứng. Ý thức tức thức thứ sáu trí tướng. “Cảnh ba đời”, là các pháp hữu vi. “Chẳng phải cảnh ba đời”, là các pháp vô vi. Đây đều là cảnh sở duyên của ý thức. “Có thể biết”, là ý thức thô phù niệm duyên năng sở, thật do hiện nay phân biệt chấp hiểu. Do có các cảnh ba đời là có thể biết. “Thức này v.v...”, là thức thứ tám. Do không có cảnh để biết. Đã không có cảnh để biết, nên chỉ ở trên kiến phần năng duyên để nói về thức này. Như nói mười hai nhân duyên, duyên ban đầu không thể biết. Ở đây cũng giống như thế, Duy Thức cũng nói: “Không thể biết chỗ chấp thọ”.

Đã nói v.v... trở xuống, là tổng kết ý.

Hiện tướng. Số: Nương trước v.v..., như nương tâm mộng mà có cảnh mộng.

Giải thích trái lại, nên nói: “Bạc Thánh lia cái thấy đã không có cảnh này, nên biết cảnh này nhất định từ cái thấy mà sin, như không có tâm mộng thì không có cảnh mộng”. Nhưng, ba tướng trên đều giải thích trái lại để thành. Đây là chỗ biết cảnh giới của Bồ-tát Bát địa trở lên, chẳng phải chỗ biết của kẻ hạ lưu. Do đó bạc Thánh không thấy các tướng. So sánh, quyết trạch trái lại để nghiệm khiến nghĩa rõ ràng, rất đáng thấy, rất đáng tin.

Số: Tức phân biệt sự thức v.v... trở xuống, có hai:

- Dẫn kinh phân biệt. Có hai:

Dẫn kinh chỉ bày phối hợp: Sự tức là cảnh phân biệt sự thức, nên gọi là thức Phân biệt sự.

Kinh Lăng-già..., nói đủ là biến tạng thức thường trụ (bốn thức), cảnh giới gió làm động (hiện thức), các sóng thức lăn tăn mà chuyển sinh (sự thức).

Hỏi đáp giải thích ngại. Hỏi v.v... trở xuống. Có ba:

Hỏi: Mạt-na, nói đủ là Càn-lợi-sắt-tra-da-mạt-na, Hán dịch là Nhiễm ô. Ý nói tương ứng với bốn hoặc, nên nói nhiễm ô. Suy lường thường xét gọi là ý, tức thức thứ bảy, ý hỏi rất dễ biết.

Đáp. Có ba:

Đáp sáu và tám theo nhau, có hai:

Năng chấp theo sở chấp nên chẳng nói: “Chấp tương ứng”, là hạt giống thức thứ bảy ở trong thức thứ tám. Kiến phần thức thứ tám là chỗ chấp của thức thứ bảy, nên nói là tương ứng. Hướng chi là hai thức làm cội gốc lẫn nhau ư! “Du-già” v.v... trở xuống, dẫn chứng rất dễ biết.

Sở y theo năng y nên chẳng nói: Lại do v.v... trở xuống. Là bên trong nương, v.v..., do thức thứ bảy và thức thứ tám nương nhau. Thức thứ sáu nương thức thứ bảy và tám. Năm thức trước nương thức thứ sáu, bảy, tám và nương đồng cảnh, cho nên có kệ rằng:

*Năm, bốn, sáu có hai,
Bảy, tám một đều nương,
Chỉ nói nương vào năng,
Ắt biết sẽ có sở.*

Nên lược chẳng nói.

Đáp do nghĩa bất tiện: Hai do v.v... trở xuống, có hai:

Nghĩa không hòa hợp nên chẳng nói: Vô minh, trước nói vô minh hòa hợp với chân thành A-lại-da là ba tướng. Mạt-na chỉ một bề sinh diệt không có nghĩa hòa hợp. Nếu nói hòa hợp thì tự thành A-lại-da. Nếu không hòa hợp thức từ đâu sinh. Nghĩa đã bất tiện muốn nói cũng chẳng đến được.

Nghĩa không duyên bên ngoài: Lại do v.v... trở xuống. Nên chẳng nói: “Mạt-na không duyên bên ngoài”, vì năm thức trước chỉ duyên trần bên ngoài. Thức thứ tám duyên căn thân, hạt giống và khí thể gian bên trong. Thức thứ sáu duyên chung tất cả. Thức thứ bảy chỉ duyên kiến phần của thức thứ tám. Nay sáu thô đều duyên cảnh bên ngoài cho nên không nói.

Đáp chấp trong ngoài: Cũng có thể v.v... trở xuống. Đây đứng về

mặt ngã, ngã sở, cũng thuộc thức thứ sáu, thứ tám, không nói thức thứ bảy. Ý nói, thức thứ bảy chính là chấp ngã, ngã sở. Nay chỗ phân hai là không thể đáng nên nói.

Dẫn chứng, Lăng-già v.v... trở xuống, có hai:

Dẫn kinh có thể biết.

Giải thích nghĩa. Trong kinh v.v... trở xuống. Hiện thức là phối hợp giải thích rất dễ biết.

Sở dĩ v.v... trở xuống là nói nghĩa sự thức. Đã nói phan duyên cảnh ngoài, chẳng phải thức thứ sáu thì thức nào? Do đó luận nương kinh mà nói, lại chẳng nói thức thứ bảy.

Nên biết v.v... trở xuống là tổng kết hội kia đây. Nhưng, ở trên phần nhiều nói rõ nghĩa trong luận này mà không nói thức thứ bảy. Phải khác với Ngài Nguyên Hiểu nói ở sau là trí tướng, tức thức thứ bảy. Nên văn kia nói: “Nói trí tướng là thức thứ bảy, cái ban đầu trong thô, ban đầu có tuệ sở phân biệt ngã trần, nên gọi là trí tướng”. Thường, kinh nói sáu thức và tâm pháp trí. Nay trí tướng tức tâm pháp trí. Nếu nói đầy đủ là duyên nơi bốn thức chấp cho là ngã, duyên chỗ hiện cảnh chấp cho là ngã sở. Nay ở trên thô mà hiện, nói nương cảnh giới tâm khởi phân biệt. Lại, cảnh giới này chẳng lìa hiện thức. Giống như hình bóng chẳng lìa mặt gương. Thức thứ bảy này trực tiếp bên trong chấp ngã, ngã sở, mà không chấp riêng ngoài tâm có trần, ngoài ra có chỗ nói trở lại duyên thức kia.

Hỏi: Làm sao biết được thức thứ bảy Mạt-na chẳng phải chỉ duyên thức, mà cũng duyên sáu trần?

Đáp. Ở đây có hai lối giải thích: 1- Nương tỷ lượng. 2- Nương Thánh ngôn lượng.

- Tỷ lượng: Lượng nói: “Ý căn là có pháp, phải đồng cảnh với ý thức, là tông”. Nhân nói: “Chẳng cùng chỗ nương nên đồng dụ như nhãn sánh đồng với căn, khác dụ như ý diệt phải theo thứ lớp, ba chi không có lỗi, nên biết ý căn đi khắp sáu trần”.

- Thánh ngôn lượng: Kinh Kim Cồ chép: “Nhãn căn lãnh thọ sắc, phân biệt ở tướng, cho đến ý căn phân biệt tất cả các pháp”. Ý căn của Đại thừa tức là Mạt-na, nên biết duyên khắp tất cả.

Lại, trong mười thứ phân biệt của Luận Đối Pháp nói: “Tướng phân biệt, nghĩa là chỗ ở của thân, có nghĩa là chỗ thọ dụng”. Kia thứ lớp như đây. Như các sắc, căn, khí thế gian, các sắc cảnh làm tướng. “Tướng hiển bày phân biệt”, là sáu thức thân và ý, như ở trước nói chỗ chấp tướng mà hiển hiện. Trong đây năm thức chỉ hiện sắc đồng

với trần. Ý thức và ý thông hiện sắc căn và khí thể giới, các sắc cảnh giới. Giả sử Mạt-na chẳng duyên sắc, căn, khí thể giới; thì hay hiện phân biệt, chỉ nên chấp sáu thức, mà ngôn ngữ và ý nên biết thông suốt duyên trở lên đều do sở kia lược. Nay đây ý sở nói không có thức thứ bảy, chính là nhiếp cảnh không có trái. Bình thường ý thức không duyên bên ngoài, nên có nhiều nghĩa.

Nêu chung: Luận nói: Do có v.v..., sáu tướng này tuy lần lượt mỗi tướng có chỗ nương, nay cũng chỉ chấp căn bản mà nói, nên nói nương cảnh. Kinh Lăng-già nói: “Gió cảnh giới động, các thứ sóng lăn tăn chuyển sinh”, là nghĩa ở đây.

- Trong một:

Luận: Nương vào cảnh giới, ở đây chỉ cho bên ngoài do cảnh duyên dẫn khởi, căn bên trong phát sinh, nên nói tâm khởi.

Sớ: Ở trước v.v..., không biết bên trong phát sinh cho là bên ngoài đến. Kinh Lăng-già nói: “Bên ngoài thật không có sắc, chỉ tự tâm hiện”. Người ngu không hiểu biết vọng phân biệt hữu vi, không biết các thứ cảnh giới bên ngoài đều từ tự tâm. Người trí đều biết rõ cảnh giới tự tâm hiện.

Pháp khởi v.v..., theo tâm vương kia lại khởi tâm sở. Phân biệt nhiệm tịnh quyết định như đây nên gọi là Trí. Thể là biệt cảnh (cảnh riêng), tâm sở trong tuệ, nên nói tuệ sở.

- Trong hai:

Sở Nương trước v.v... Đối với cảnh vừa ý đáng yêu tâm cùng hỷ đều gọi là lạc thọ giác. Đối với cảnh trái ý không đáng yêu, tâm cùng sân đều gọi là khổ thọ giác. Chẳng khổ tức vui, chẳng vui tức khổ. Cảnh trái thuận đã nối tiếp thì tâm khổ vui đâu dứt. Nói để biện thô nên chẳng nói bỏ kia mà thật có, chỉ ở giữa khổ và vui.

Tự tương tục, là ngay nơi tướng chẳng dứt.

Lại hay v.v... Do tự tương tục, lại hay phát khởi phiền não, thắm nhuần các nghiệp đã thuần thực, khiến nghiệp thọ báo chưa thuần tương tục thành thuần thực, do đó dẫn dắt giữ gìn, khiến kia sinh tử không dứt. Đây tức khiến đời sau bốn tướng nối tiếp không dứt.

Rộng như v.v... trở xuống, là nhân duyên sinh diệt giải thích trong năm ý.

- Trong ba:

Luận Trụ trì v.v..., nghĩa là ở trên cảnh khổ vui, giữ gìn vững chắc không có thay đổi, chấp giữ không bỏ.

Sớ: Trên đều v.v..., là chỗ nương của tướng chấp thủ nên đáp đầy

đủ.

Đây là v.v... trở xuống, chỉ một câu này là tướng thứ ba. Do không biết cảnh trái thuận như hoa đốm giữa hư không, không rõ tâm khổ vui như huyền hóa, chấp cho là thật, chắc chắn không đổi, nên nói là chấp sâu.

- Trong bốn:

Nướng trước v.v... trở xuống, cảnh vốn chẳng thiện, do thuận theo tình của mình, liền cho là thiện. Cảnh cũng chẳng ác, do trái với tình của mình liền cho là ác. Hơn nữa tướng thiện ác đã tự chẳng thật, hướng chi là vẫn tự kia khởi tự tâm điên đảo, đâu chẳng là giả ư! Vì sao? Vì ta người ở đây lấy thiện làm ác, lấy ác làm thiện, cả hai bất định. Tăng Triệu nói: “Vật không có thật ở nơi tên, tên không được cộng ở nơi vật”. Do tên này nên không đợi mắt thấy tướng trái thuận, tai nghe tên thiện ác, liền sinh hỷ nộ, nên gọi là kế danh tự.

Kinh Lăng-già v.v... trở xuống, là dẫn chứng. Nghĩa thấy ở văn trước.

Từ trên đến đây v.v... trở xuống là phối hợp ba chương. Từ đây trở lên thẳng đến vô minh căn bản, tốt cùng tên là hoặc. Nếu y theo kinh Phật Danh nói: “Độc đầu vô minh là phiền não”, thì khai riêng vô minh để làm chỗ nương của phiền não. Kia thật vô minh là si, chính là căn bản sáu hoặc. Nếu hợp với luận đều gọi là phiền não. Khai hợp tuy khác đều là môn hoặc. Từ đây trở xuống tức là nghiệp khổ, kia thì ba chương tức ba đường.

- Trong năm:

Chấp tướng v.v..., nghĩa là đối với ngã chấp tham sân ái kiến, phát động thân miệng của bảy chi, tạo nghiệp thiện ác, bất động, vô lượng khác nhau. Ở trong đó tuy có thiện và bất động, nhưng đều là hữu lậu không ra khỏi ba cõi. Ba cõi không an, giống như nhà lửa, nên đều là nhân khổ.

- Trong sáu:

Sớ: Chiêu quả rõ ràng, là nhất định như vậy. Kia có hai nghĩa:

1- Chẳng được chẳng thọ. 2- Thiện chẳng làm khổ, ác chẳng làm vui.

Sách có chép: “Trời gây tai vạ còn có thể tránh, tự mình gây tai vạ thì không thể tránh”. Kinh Niết-bàn chép: “Chẳng phải ở trên hư không, chẳng phải ở dưới biển, chẳng phải vào trong núi đá, một địa phương nào có thể thoát được, mà không phải chịu quả báo”. Nên nói rõ ràng. Ba cõi trôi lăn không dừng nghỉ, nói là tuần hoàn.

Tử đây sinh kia không thể thoát khỏi, nên nói là trói buộc lâu dài, như kiến bò miệng chén, như làm kéo kén, cuối cùng rồi cũng trở lại chỗ ban đầu, không được tự tại. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: “Như dây cột chim bay, tuy xa mà giạt thì liền trở lại, nghiệp lôi kéo chúng sinh cũng giống như thế”. Nếu chẳng giác ngộ thì không bao giờ có kỳ hạn giải thoát, nay ở đây nói là trói buộc lâu dài,.

Giải thích: Số Ba tế v.v..., pháp nhiệm tuy nhiều nhưng không ngoài hoặc nghiệp nhân quả của ba cõi. Nay lấy ba tế, sáu thô mà nhiếp, không đâu chẳng tận, như pháp nhiệm đều do vô minh căn bản mê chân mà khởi, nên nói nên biết.

Chuyển giải thích: Số Ý hỏi rất dễ biết. Văn đáp liền giải ý luận. Nghiệp khí tức tướng khác nhau, tướng này đều là phần khí nghiệp dụng bất giác. Nhưng, bất giác này là tên chung của chín tướng. Chín tướng là tên riêng của bất giác, nên kinh Viên Giác chép: “Thân tâm các tướng đều là vô minh”, tức là nghĩa này.

Phân biệt cả hai đồng và khác, hướng về nói giác và bất giác, nhiệm tịnh cách xa. Lại nói nương giác nên mê nhưng chẳng lìa bản giác. Nếu nói kia khác thì tại sao nương giác nên mê? Nếu nói kia đồng, tại sao nhiệm tịnh chẳng giống nhau? Lại, nếu quyết định là đồng, quyết định là khác, thì đều không có môn nào để tiến tu. Đồng thì thánh phàm là một, ưa chán đều dứt. Khác thì nhiệm tịnh khác đường, mê ngộ cách hẳn. Do mê mờ hai môn về ý chỉ chẳng tức chẳng lìa, nên có mê lầm này. nhưng đối với tông tướng và vô tướng đều mất ý, mỗi tông rơi vào một bên. Nay giải thích vén lên cho thấy sự mê lầm kia.

Dụ. Số nói Nhiễm tịnh v.v..., nhiễm tức bất giác ba tế sáu thô; tịnh tức nghĩa giác hai tướng bốn cảnh, lấy đây làm sở dụng. Duyên chân như là môn bốn tướng, có thể thông với hai pháp làm tánh. Lại chân như không tướng, lấy hai pháp này làm tướng, đây thì hai tướng đồng nương một tánh, một tánh đồng sinh hai tướng. Do đó chữ đồng tánh tướng đều dùng.

Dục nhiễm tịnh, khí hữu tình thô. Ngoài ra, văn rất dễ hiểu.

Hợp. Số: hai tướng này, tức nghĩa vô lậu vô minh ở trên. Như văn sau nói mà chẳng thật có, từ phân biệt sinh. Nên kinh chép: “Huyễn vọng gọi là tướng”. Nhưng, một ví dụ về huyễn, các giáo thường dẫn chứng. Lấy ví dụ nhiễm tịnh thể kia chẳng thật. Bởi Ngũ Thiên thuật này hơi nhiều, thấy nghe đã kỹ, pháp lý dễ rõ. Nay nương người xưa giải thích nghĩa này. Dụ, pháp lược khai có năm thứ.

Năm dụ như cột một chiếc khăn huyễn tạo thành một con ngựa:

*Pháp thuật nhà ảo thuật.
 Chỗ huyền ấy là ngựa.
 Ngựa có tức là không.
 Ngụ si chấp là thật.*

Năm pháp: Chân tánh, Thức tâm, Y tha khởi, Ngã pháp tức không và Mê chấp ngã pháp.

Lại không có tự thể riêng, kinh nói: “Chân tánh kia là diệu giác minh thể tịnh tướng, tức trí tịnh không thể nghĩ bàn nghiệp”. Và hai cảnh sau, đã thấy ở văn trước, văn sau tức trong tâm huân tập. Nhưng, ba tế sáu thô này tuy là tướng nhiễm, vì nói theo nghĩa bất giác, nên không trích dẫn, nay dẫn riêng văn sau, ý muốn chứng minh nhiễm này là tướng chân như. Văn nói: “Pháp chân như thật không có nhiễm, chỉ do vô minh huân tập, nên có tướng nhiễm”. Nêu chín tướng ở trước, ban đầu nêu, sau tổng kết, đề đứng về mặt bất giác, chẳng nói đều là tướng chân như. Do đó văn sơ trích dẫn chính là ngay đây.

Trích dẫn:

Sớ: Nương đây v.v..., chúng sinh tức là bất giác, bất giác không thể tức là chân như, lý chân như tức tánh Niết-bàn, tánh tự vắng lặng, đâu diệt còn nữa. Diệt độ Niết-bàn tức kia đây mới nói.

Tịnh Danh v.v... trở xuống, là văn của chương Di-lặc. Như ở trước dẫn chứng. Đại Phẩm cũng nói: “Dứt tất cả kiết sử, nhập Niết-bàn, là pháp thế tục chẳng phải nghĩa đệ nhất. Vì sao: Vì trong hư không chẳng có đoạn diệt, cũng chẳng có chỗ diệt. Các pháp rốt ráo không, tức là Niết-bàn”.

Nương đây v.v.... Bồ-đề là tiếng Phạm, đời Tần dịch là Giác, Giác là bản giác và thỉ giác. Hai giác đã là chân như Bồ-đề, đâu do tu mà được. Nên kinh Đại Phẩm chép: “Do nghĩa gì gọi là Bồ-đề? Nghĩa “không” gọi là Bồ-đề. Như nghĩa pháp tánh, nghĩa thật tế, nghĩa bình đẳng là Bồ-đề”. Đây là đối với chúng sinh nói bất giác tức chân như, xưa nay Niết-bàn, chư Phật giác cũng là chân như, nên Bồ-đề không có tu tạo. Đã nói do tu tạo, nên biết là đối với quả mà được. Sớ chép: “chư Phật, do sẵn có nên đâu cần tu tạo sau mới được!”, nên nói không có tu tạo.

Lại trước v.v... trở xuống, lại dùng hai chữ chân như giải thích hai đoạn này.

Xưa đã vào: kinh Viên Giác chép: “Mới biết chúng sinh xưa nay thành Phật”. Nên nói từ xưa đến nay. Lại, tất cả chúng sinh tức cứu cánh giác, nên nói không phải mới được. Nhưng, từ xưa đến nay nhập,

cũng không phải mới được. Nghĩa đồng mà văn khác. Chỉ lấy như làm Niết-bàn, chân làm Bồ-đề là riêng biệt. Bởi bấy giờ con người phần nhiều cho rằng Niết-bàn là tướng trói buộc, nên nói bất giác tức Niết-bàn xưa nay. Chấp Bồ-đề là do tu pháp mà sinh, nên nói tanh giác tức chân cũng chẳng phải mới được. Do đó tướng tức vô tướng, nên đứng về mặt bất giác mà nói Niết-bàn, chẳng phải do tu sinh, vốn tự sẵn có, nên đứng về mặt chân tánh mà nói Bồ-đề.

Hướng về Niết-bàn v.v..., Niết-bàn phải là do tu, trí rõ chỗ hiển bày, vì bất giác tức như, như tức Niết-bàn, đâu đợi liễu nhân mới hiển bày rõ. Nên văn trên nói: “Từ xưa đến nay đã vào Niết-bàn”.

Hướng về Bồ-đề v.v..., Bồ-đề phải là sinh nhân tạo tác. Vì Bồ-đề là giác, giác tánh tức chân như, không đợi tạo mới sinh, đây không hề chẳng có, lại đâu phải do tạo!. Nên ở trên nói: “Bồ-đề không phải mới được”. Nhưng y cứ số ở trước nói: “Bồ-đề của chư Phật chẳng phải tu”, tức cho hai câu này là nói về mặt Bồ-đề. Nay lại phân do tu hay tạo tác để hướng về hai chỗ mà nói. Lại giống như một phen giải thích riêng. Người học nên biết. Ở trước đã là pháp sẵn có, chẳng hợp nói được, vì thể như thật thường bất biến, nên chẳng đồng pháp vọng, không thật có để được. Đây pháp không được vốn là chân thật.

Sớ: Nghi rằng v.v... trở xuống, có hai:

Trình bày nghi: Văn hiển bày dễ biết, nhưng nếu văn đoạn này tại khoa chú thích ở dưới thì văn ấy rất tiện.

Giải thích theo văn. Có hai:

Chính giải thích: Sớ Pháp tánh v.v..., kinh Lăng-già chép: “Trong chân thật không có vật, làm sao khởi phân biệt?”. Lại, kinh nói: “Pháp thân chân Phật giống như hư không”, đây đều không có sắc.

Lại nghi v.v... trở xuống, là nạn hỏi về chân.

Chuyển giải thích:

Luận: Mà có v.v... trở xuống là giải thích chuyển sang vấn hỏi. Sớ: “Kia thấy”, v.v... trở xuống là biến quả của Phật chỉ có đại định, trí, bi mà không có sắc tướng. Chúng sinh thấy sắc tướng do nghiệp thức của họ hiện, thuộc về tướng vô minh khác nhau. Văn sau nói: “Chỉ tùy theo chúng sinh thấy nghe được lợi ích, nên nói là Dụng”.

Chẳng đây v.v... trở xuống là đứng về mặt lìa tướng mà giải thích. Nên văn sau nói: “chư Phật, Như Lai chỉ là thân Pháp thân trí tướng nghĩa đế đệ nhất, không có thể để để thấy” Đã nói Pháp thân trí tướng nghĩa đế đệ nhất, ở trong đây đâu có các sắc tánh chẳng không ư!

Lại cũng v.v... trở xuống là giải thích về mặt tánh đức. Kia là chân

thiện diệu sắc tức tướng của tánh. Tuy gọi là sắc, cũng chẳng có tướng để thấy.

Luận nói: Trí sắc do bốn v.v... trở xuống. Trước nói: “Do lìa cảnh giới niệm chỉ chứng mới tương ứng”. Sau nói: “Pháp thân chư Phật không có sắc tướng kia đây, xâm lấn lẫn nhau.

Luận: Dị tướng v.v... trở xuống, có hai:

Dụ: Trước tướng đồng thì nói theo sinh diệt hưởng về chân như, do tướng hưởng chánh mà nói kia đồng. Nay tướng khác, chỉ đối với một môn sinh diệt nhiễm tịnh, tự tướng hưởng về để thành khác.

Hợp: Sở nói riêng v.v..., do thể pháp tịnh vô lậu là tánh giác, tánh giác không khác nhau, chỉ theo vô minh nên hiện khác nhau.

Do kia v.v... trở xuống là nói bốn tánh vô minh tự khác nhau, nếu không khác nhau thì không thể mê lý bình đẳng. Văn sau là từ văn thể tướng chân như huân tập. Các pháp hữu lậu tức thông suốt chỉ bày bản giác thì giác, tu tánh công đức.

Nói thẳng về tánh, là khắc định nói về mặt chân thể, là trong môn trước chỗ chỉ bày thể chân như.

Chỉ theo v.v... trở xuống, là đối với nhiễm tịnh khác nhau để nói tịnh khác nhau, tức tánh bản giác được chỉ bày ở môn sau. So sánh như một mặt trăng hiện muôn bóng dưới các dòng nước, trăng vốn không sai khác, do theo nước mà bóng có sai khác. Văn sau là phần văn nói về Tướng đại.

Lại do v.v... trở xuống là nói về nghĩa thỉ giác, do trị các pháp nhiễm tham, sân v.v... thành vô lậu tịnh hạnh như bố thí ba-la-mật v.v... Và trên mặt quả, nghĩa của đức “như” là Mười lực, bốn vô úy v.v... Trước thì đối đãi nhiễm sai biệt để thành sai biệt. Đây thì đối trị nhiễm sai biệt để thành sai biệt. Cũng có thể trước Tướng sau Dụng. Lại, do theo chúng sinh sai biệt để thành sai biệt. Trước đã hỏi đáp nên ở đây thiếu sót, đủ ba nghĩa này nên nói theo nhiễm khác nhau.

- Giải thích pháp tùy nhiễm đều như huyễn:

Như thế v.v... trở xuống là giải thích pháp nhiễm tịnh đều là nghĩa như huyễn. Do pháp đối đãi vốn chẳng lập. Như kinh nói: “Nếu có một pháp cao hơn Niết-bàn, ta cũng nói là như mộng huyễn v.v...” Kinh Kim Cương cũng nói: “Tất cả tướng đều luống dối”. Nhưng điều nói trên nghĩa có đồng khác, tức hai môn chân như và sinh diệt nghĩa chẳng lìa nhau. Đứng về môn chân như thì khác mà đồng. Nếu được ý chỉ nhất tâm của hai môn, thì ở đây không có mê hoặc.

Nêu chung:

Luận: Nhân duyên sinh diệt, vì trong phần lập nghĩa nói: “Là tâm sinh diệt tướng nhân duyên”. Ở trong đó tâm đã được giải thích như trên. Nay giải thích hai chữ “Nhân duyên”. Nhưng, nhân duyên là nhà của sinh diệt, nên nói sinh diệt. Số, có hai:

Giải thích một đoạn văn:

Đoạn văn trước do nêu, nghĩa là đoạn văn trước là chỗ tông trong phần lập nghĩa. Nêu là chỗ giải thích văn của luận sau đây.

A-lại-da v.v... trở xuống, một phen lặp lại nhân duyên có công năng sinh ba tế.

Tâm thể tức chân như, trong đó chỉ chấp một nghĩa tùy duyên, do không giữ được tự tánh.

Căn bản v.v... trở xuống: vì tự mê chân giác nên chẳng chấp chi mạng (ngọn ngành). Lại, ở đây chỉ ngay nơi nghĩa thành sự, mà chẳng chấp thể không.

Vô minh v.v... trở xuống, một phen lặp lại nhân duyên có công năng sinh ra sáu thô. Nhưng, hai lần lặp lại về nhân duyên, chính chỗ nói của kinh Lăng-già về huân biến không thể nghĩ bàn và chấp giữ các thứ trần, vọng tưởng huân từ vô thủy, rộng như ở sau nói. Ở đây hai lần lặp lại chỉ có ba pháp. Nghĩa là chân như chỉ cho nhân, cảnh giới hạn cuộc duyên. Vô minh thì hưởng về chân làm duyên, hưởng về cảnh làm nhân. Tổng kết văn có thể biết.

Giải thích văn nêu:

Các thức v.v... trở xuống, là giải thích văn nêu. Tuy nhiên, ở đây đứng về mặt tâm nên nói các thức. Nếu nói năm ấm hòa hợp trong đó sinh thì kia gồm cả sắc tâm.

Mà không v.v... trở xuống, như sóng không có tự thể riêng, chỉ nương vào nước. Văn trên nói: “Nương Như Lai tạng nên có tâm sinh diệt...”.

Tự tướng tâm v.v..., tức trước không giữ tự tánh là nhân sinh diệt.

Hay nương v.v..., chỉ do đối với pháp trên nhân mà lập tên có khác ý, cùng ý thức tức là chúng sinh không có tự thể riêng; tức trước các thức sinh diệt tu tập mà sinh. Lại, chúng sinh là chung, các ý là riêng. Chung riêng tuy khác mà thể kia là một, đều từ tâm khởi lấy tâm làm chỗ nương. Nhưng ở đây năng sở nương khởi, vì tâm, ý, ý thức hưởng về nhau phân biệt, không có hạn cuộc, suy nghĩ sẽ thấy. Kinh Lăng già cũng nói: “Nói Tàng thức tên là tâm (thức thứ tám), tánh tư lương tên là ý (thức thứ bảy), hay biện các cảnh tướng tên là Thức (thức thứ sáu)”. Nay tâm này là Như Lai tạng, ý là năm thức trước, ý thức chỉ cho thức

thứ sáu, nên không đồng với kia.

Trong phần hỏi của Sớ: Tâm này v.v... trở xuống, đã nói chúng sinh nương vào tâm thể mà có các ý khởi, tướng ấy thế nào?

Luận: Do nương v.v... trở xuống, sớ có hai:

Giải thích văn:

Là trên..., vì A-lại-da là chung, giác và vô minh là nghĩa riêng trong chung. Nay đã nói vô minh nương A-lại-da mà có, nên biết chỉ giữ nghĩa giác làm chỗ nương. Văn luận đứng về mặt chung giữ riêng, nói rộng về A-lại-da.

Trong sớ giải thích ra nghĩa biệt, nên nói ở trên chỗ nói tâm tức chẳng giữ tự tánh chân như, ngoài ra văn rất dễ biết.

Muốn rõ v.v..., đây chỉ cho nhân duyên thứ nhất lặp lại ở trước. Trên chung dưới. Hoặc hỏi rằng: “Trước nói nương tâm có các ý chuyển?”. Ở đây gồm nói cả: “Vô minh nghĩa thế nào?”, nên nay giải thích.

Hỏi đáp: Trên nói v.v... trở xuống, có hai:

Hỏi: Nêu điều được nói ở trước, tại sao nương giác cho nên mê? Lại nói, “Nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt”, nay ở đây lại nói nương A-lại-da mà có, đâu đồng với trước nói?

Đáp. Có hai:

Chính đáp. Có ba:

Trên mặt mê chân chấp tương tự mà giải thích.

Cùng vô minh làm chỗ nương, như gió động nước thành sóng, gió trở lại nương vào sóng. Trước nói: “Nương bất giác sinh ra ba tướng”, tương ứng chẳng lìa bất giác kia.

Vì sao v.v... trở xuống là giải thích lại nghĩa trước.

Nương mê, là nương vô minh mê chân mà có A-lại-da, chân và vọng đều dưỡng như một, dưỡng như thường, tức nghĩa mê chân.

Kinh nói: “Mê gốc tròn sáng là sinh luống dối”.

Mê tương tự, v.v..., nương A-lại-da có vô minh. Mê dưỡng như một là thật một, mê dưỡng như thường là thật thường. Kinh nói: “Đã lập vọng sở, sinh ra vọng năng” tức nghĩa chấp vọng, tức hai nghĩa này, một thức mà chỗ luận trước sau xuất phát lẫn nhau, nên chẳng trái nhau.

- Giải thích nghĩa chung riêng khác nhau:

Hai, nói rằng v.v... trở xuống: là giải thích nghĩa chung riêng khác nhau.

Theo gốc, v.v..., là theo chân thể, nói theo chiều dọc vì Giác là gốc, nương vào gốc mới sinh ra ngọn.

Nay theo, v.v... trở xuống là nói vị đều thế (đô vị) là y cứ chung cả

chân và vọng là nói theo chiều ngang. Như gió động nước thành sóng, gió và nước đều ở trong sóng.

- Giải thích theo chưa khởi và đã khởi:

Ba là nói rằng, giải thích theo mặt chưa khởi, đã khởi.

Chưa khởi v.v..., từ khi chưa có A-lại-da mà nói.

Thành tựu v.v..., là đã có A-lại-da mà nói.

Kết đáp: Tuy nhiên, ở đây, v.v... trở xuống. Ý nói: “Nếu chỉ chấp nghĩa đầu thì dường như có lỗi chân trước vọng sau, cũng có ngộ sau có lỗi trở lại mê, cùng đồng phái Số Luận nói về Minh sơ sinh giác. Nếu chỉ chấp nghĩa sau thì dường như các pháp không do mê chân mà thành, chỉ từ bốn thức kiến lập thì có lỗi chân vọng có thể riêng biệt, cũng đâu khác gì tông Pháp Tướng ư! Nay lấy nghĩa sau khởi lỗi trước, lấy nghĩa trước khởi lỗi sau, nên nói lẫn nhau. Lấy hai nghĩa hổ tương, dùng tướng ẩn hiển thành, như văn thêu dệt nên nói thêu dệt lẫn nhau.

Trong phần nói lược, Sơ: Nương tướng tự khởi mê, tức nương vọng tâm khởi vô minh chi mật.

Nương mê khởi tướng tự, tức do mê chân tánh thành vọng tâm này. Trôi chảy nhỏ nhiệm tướng tự như bất động, tướng tự không sai biệt, nên nói tướng tự một, tướng tự thường”, kinh Lăng-nghiêm gọi là “cái bóng sáng của vọng giác” chính là nghĩa này.

Đây hai v.v... trở xuống là giải thích có trước sau, hoặc khi không có lúc trước sau; như hỏi đáp ba nghĩa trước, chỉ nói về mặt một thức một thời, nên không thể tạo trước sau khác nhau. Ngoài ra như văn rất dễ hiểu.

Nương đây v.v..., nghĩa là nương tâm khởi nghiệp thức, cho đến nương trí thức khởi tướng tự, sinh ở ý thức. Đây là sau y chỉ trước, trước năng sinh sau, thứ lớp y chỉ và sinh lẫn nhau. Trong đó năng sở nương hướng về nhau sinh trước sau, có thông có cuộc, như văn rất dễ hiểu.

Nhiếp luận v.v... trở xuống: dẫn chứng rất dễ biết.

- Trong một:

Sơ Tâm chẳng tự khởi v.v..., tâm chẳng có tánh động, tánh tuy không động mà tùy duyên nên động. Do không giữ tự tánh, tức trong bốn cảnh nghĩa chẳng xuất phát, như nước không tự làm sóng, phải nhờ sức gió. Do đây, khởi có lỗi ở chỗ vô cùng.

Nói về tướng khởi, vì giác nên chẳng động, chẳng động thì không có tướng. Bất giác nên động, động thì tướng khởi.

Khởi động là nghiệp: trong hai nghĩa không nêu.

Là nghĩa nhân, cũng bao gồm trong ấy, vì động thì có quả khổ.

- Trong hai:

Số: Nương thức v.v... trở xuống, là giải thích văn này rất dễ hiểu. Chuyển thức có hai v.v... trở xuống, là đối với ở sau nói có khác.

Chỗ động của vô minh, ở đây theo bên trong khởi thuộc Bốn thức, ngay đối với ba tế gọi là Chuyển thức.

Nếu chỗ động của cảnh giới kia, đây là khởi theo bên ngoài, thuộc về Sự thức, ngay nơi sáu thô gọi là Trí thức. Ở trên như sóng làm cho sóng tràn lên, ở đây như gió làm cho sóng vỗ. Chỉ lấy chỗ bình thường để nói về chuyển thức chỉ chấp bảy thức trước. Nay ở đây điều nói lại trong bốn thức, e rằng có lộn xem, nên ở đây phân biệt.

- Trong ba:

Số: có công năng hiện công, tức chuyển thức trước có công năng hiện tướng, ở đây vì có công năng nên gọi là Hiện thức.

Do kia v.v... trở xuống, là giải thích hành tướng. Văn sau nói: “Do có vọng tâm tức huân tập vô minh, chẳng rõ pháp chân như nên bất giác niệm khởi hiện cảnh giới vọng, hiện chung tất cả hữu lậu, các pháp sắc tâm vô lậu, chẳng riêng năm trần”.

Nếu nương v.v... trở xuống là dẫn luận để đối biện. Năm căn tức năm sắc căn như nhãn, v.v... và chỗ nương của căn. Hạt giống tức ba tánh hạt giống thiện, ác và vô ký. Khí thể gian tức núi sông, đất đai. Đây đều là tướng phần của thức thứ tám. Nhưng, tướng phần này đều là thức thứ tám chấp thọ. Chấp là nghĩa nhiếp, nghĩa trì. Thọ là lãnh lấy làm cảnh, lãnh sinh giác thọ. Ở trong đó hạt giống có đủ ba nghĩa:

- Nhiếp làm tự thể. Giữ khiến không mất, lãnh lấy làm cảnh.

Căn thân có đủ hai nghĩa, thiếu nhiếp làm tự thể nên khí giới chỉ một, chỉ lãnh lấy làm cảnh. Duy Thức nói: “Không thể biết chỗ chấp thọ, khí thể gian lượng chỉ duyên chấp thọ”.

Nay đây v.v... trở xuống, có người hỏi: “Nếu như vậy vì sao trong đây chỉ nói hiện năm trần?”, cho nên ở đây giải thích. Do đối với chỗ dẫn dắt của sự thức, nên đối với tất cả trong đó lệch nêu năm câu này.

Luận nói: “Cho đến tức hiện ý ở đây”.

Chẳng như v.v... trở xuống: ở trên nghĩa tương tự chẳng dứt, để giải thích thường tại tiền. Như thức thứ sáu ở năm trần vô tâm tức có đoạn diệt. Duy Thức nói: “Ý thức thường hiện khởi, trừ sinh lên cõi trời Vô tưởng và vô tâm, hai thứ này nhất định phiền não và mê mờ dứt. Lại thức thứ bảy khi nhập định Diệt tận, tuy nói tịnh phần chẳng dứt, lại có nói tận cùng là bảy, là đứng về mặt phần nhiễm cũng thành nghĩa đoạn, lại thành chỗ huân bốn nghĩa như trong Duy Thức nói: “Nếu pháp trước

sau một bề nối tiếp hay giữ tập khí chính là chỗ huân”. Ở đây phân biệt chuyển thức thứ bảy trước như tiếng gió... Đã nói như tiếng gió thì kia chẳng nối tiếp mà có đứ quãng.

Lại là v.v... trở xuống là đứng về mặt nghĩa trước để giải thích thường tại tiền. Ý nói chữ “tiền” là trước. Vì khi mê trước lúc các pháp bốn hữu vi, lại không có pháp trước ở đây. Mạt-na không có nghĩa này nên phân biệt. Đây là phân biệt riêng thức thứ bảy. Nhưng văn phân biệt thức thứ sáu, bảy ở trước là ý của Hải Đông, một nghĩa sau là ý của số này, nên nói “lại”. Nếu nói nêu câu đầu, phân biệt kể đến, chỉ phân biệt thức thứ sáu. “Lại là v.v... trở xuống, mới phân biệt thức thứ bảy Hải Đông không có một ý sau, làm sao nương câu để tụng văn? Người học nên biết.

- Trong bốn:

Phần tế, là pháp chấp câu sinh, mê do tâm cảnh thấy từ bên ngoài đến khởi tâm sâu kín, phân biệt nhiệm tịnh nên nói chẳng nói.

- Trong năm: luận có hai:

Nói rõ bốn tướng. Số: Cũng giới hạn: đây là pháp chấp phân biệt thô đối với câu sinh, nên trừ chữ Vi, chỉ nói giới hạn. Trong đây hai thức đều gọi là tế, vì tế trong thô, nên đồng là pháp chấp.

Riêng hiển bày công năng. Luận nói Trụ trì v.v... trở xuống, có hai:

Khởi lên nhuận hoặc: Trụ trì, v.v..., trụ là lưu trụ, trì là giữ gìn; nghĩa là lưu trụ giữ gìn không để cho mất nghiệp.

Số: Do đây v.v... là vô minh từ quá khứ phát ra nghiệp hành hạt giống chưa thành thực. Do có thức này phát ái chấp phiền não tưới nhuần, khiến cho thành thực, có khả năng vì đời sau chiêu cảm có quả, có tức nghiệp chủng biến dị.

Nếu không v.v... trở xuống, như trồng cây ở chỗ đất không có nước thì cây sẽ chết. Kết nghiệp đời quả không tham thì tan bại. Kinh nói: “Nước ái do nhuận nghiệp”.

Lại nữa v.v..., là nhuận nghiệp đã thuần thực, khiến thọ quả báo. Thiện ác, khổ vui, tự nhiên tương ứng không trái nhau. Như con dấu in vào vật, nên gọi là không khác. Lại hiện tại tức hiện báo, vị lai tức hai báo đời sau.

Như thế v.v... trở xuống, là giải thích chung đoạn trước, để tổng kết tên gọi kia, đây là nhuận nghiệp quá khứ chưa thuần thực, khiến thành nghiệp hiện tại đã thuần thực, nhuận nghiệp hiện tại đã thành thực, khiến chiêu cảm quả báo vị lai, như thế xoay vần không đoạn dứt,

vì không đoạn dứt nên nói là nối tiếp. Nhưng, các nhuận nghiệp kia tức là nghĩa khiến tha nối tiếp.

Sinh khởi niệm lực. Luận hay khiến v.v... trở xuống. “Đã trải qua” là quá khứ trở xuống, tức vị lai. Ở trên nói ngay tương tượng tục tức là hiện tại.

Hiện bày đây v.v... trở xuống: Sở có hai:

Giải thích văn: Do thức này sinh khởi phân biệt thô, nhớ nghĩ ba đời, cùng trí tướng ở trước sâu kín khác nhau, chẳng phải pháp phân biệt thì là cái gì?

Thông ở trước chỉ bày lặp lại: Trên đây v.v... trở xuống. Có hai:

Kết thuộc thức này: ý văn rất dễ hiểu.

- Gồm chung năm phần trước. Lại là v.v... trở xuống.

Công năng ba tế, do thức thứ tám hay huân tập hạt giống khởi hiện hành. “Hai công năng sau”, ở trong đó chỉ đứng về mặt phân biệt chẳng dứt mà phân hai khác nhau. Nhiếp Luận nói: “Ý thức duyên cảnh ba đời, v.v...” tức là nghĩa này.

Thuận kết: Trong số Là trước, ở đây giải thích hai chữ “cho nên”.

Nên nói v.v..., tức ba cõi chẳng ngoài năm ý. Năm ý chỉ nương nhất tâm, nên nói ba cõi do tâm tạo. Vì trong hiện thức có đầy đủ căn thân, hạt giống, khí thể gian. Nên kinh Lăng-già nói: “Từ ở cõi Vô sắc cho đến còn địa ngục, đều hiện làm chúng sinh, đều chỉ do tâm tạo”.

Hiện tượng tự gọi là hư, y tha khởi pháp như gai trên dây, tương tự có tướng kia rất ráo thể chẳng thật.

Trá hiện gọi là ngục, biến kế sở khởi như dây trên rắn, tướng rất ráo không phân biệt vọng hiện. “Chỉ tâm tạo”, như: dây, rắn không có tự thể, không lìa gai. Nên kinh Thập Địa tức phẩm Thập Địa trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Biết rõ ba cõi do tâm mà có, mười hai nhân duyên cũng giống như thế, tất cả đều do tâm tạo, nếu tâm diệt thì sinh tử dứt”.

Phân kết: Sở: Là kia v.v... là tâm khởi thành thức, nương thức có trần, cuối cùng cội gốc kia chỉ do tâm tạo, nên kinh nói: “Do tâm sinh nên các thứ pháp sinh”. Khuê Sơn nói: “Sinh pháp vốn không, tất cả do thức, thức như huyễn mộng chỉ là nhất tâm”. Tuy nhiên, ba cõi, sáu trần đều thuộc về các pháp sắc tâm. Cho nên tổng kết thuận, tổng kết ngược đều trở về nhất tâm.

Hỏi. Sở Hiện có, ý nói: Nếu là do tâm thì không được có cảnh. Vì tâm không có tướng chẳng thể thấy, đã có chỗ thấy thì làm sao do tâm

được?

Đáp. Có hai:

- Không trần:

Sớ: Do tất cả v.v... trở xuống, ý nói: Tất cả pháp từ tâm khởi, chỗ khởi không có thể tức là nhất tâm. Kinh Lăng-già nói: “Tâm cũng chỉ là tâm, phi tâm cũng là tâm khởi các thứ, các sắc tướng thông đạt đều là tâm.

Lại nghi v.v... trở xuống, là tùy chỗ đáp.

Do khởi nghi này, ý nghi rằng: “Đã là nhất tâm chân tịnh, do đâu lại khởi tạo các pháp?”. Trong kinh Lăng-nghiêm, các ngài Mãn Từ, Viên Giác, Cang Tạng đều đồng ý này.

Do vọng, v.v..., kia giống như mắt trong chẳng thấy hoa đốm giữa hư không, chỉ do mắt nhắm thì thấy tướng hoa đốm. Vọng niệm tức căn bản vô minh.

Lại cũng v.v... trở xuống, là ý riêng trong nghi trước. Chẳng tiếp tục thứ lớp khởi, ý vẫn rất dễ biết. Ở trước giải thích về mặt y tha, ở đây là về mặt biến kế.

Giải thích rằng v.v... trở xuống, ý nói: Như thấy hoa đốm giữa hư không, là do mắt ông bị nhắm, như kinh Lăng-già nói: “Như người ngu không biết đó là dây, vọng chấp chola rắn, chẳng rõ tự tâm hiện vọng phân biệt cảnh bên ngoài.

- Hiển duy tâm. Luận Tất cả v.v... trở xuống, Sớ: Cảnh do v.v..., như bóng là do gương hiện, nên phân biệt bóng là phân biệt gương. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Tự tâm chấp tự tâm, phi huyễn thành pháp huyễn”.

Không trần Duy Thức, như Duy Thức tụng nói: “Duy Thức không cảnh giới, do không trần vọng thấy, như người mắt bị bệnh thấy các việc như lông, mặt trăng”.

Luận Tâm chẳng thấy tâm, ý nói: Tâm là nhất tâm chẳng được tự thấy, nên biết có chỗ thấy đều là vọng. Kinh Lăng-già nói: “Như dao không tự cắt, như tay không tự xúc chạm. Tâm không thấy tâm, việc ấy cũng như thế.

Đã trần v.v..., ý nói: Trần cảnh nếu còn thì sẽ có tâm duyên, cảnh trần đã chẳng có, dù có tâm cũng chẳng tự duyên. “Thức chẳng sinh”, ý nói: Do có trần, kéo theo thức kia sinh. Đã không có trần cảnh thì thức chẳng sinh. Nên kinh nói: “Do pháp sinh nên các thứ tâm sinh”. Nay pháp đã chẳng sinh, tâm cũng không sinh. Đã không có cái khác để thấy cũng không thể tự thấy, chỗ thấy không, hay thấy cũng không thành.

Năng sở đều vắng, tâm không tâm tướng là năng duyên vắng lặng, cảnh không cảnh tướng tức sở duyên vắng lặng. Kinh Lăng-già nói: “Năng kiến và sở kiến, tất cả đều không thật có”, đại ý trong đây muốn hiển bày nhất tâm vốn không có năng sở, năng sở đều vắng lặng mới là chân tâm. Cũng chẳng mất khiến vắng lặng mà vốn tự vắng lặng.

Nhiếp luận v.v... trở xuống, là dẫn chứng. Nói đủ là: “Các pháp được nói do thức hiện, không có pháp ít hay chấp pháp ít”. Cũng có thể văn của luận từ “Tất cả”, v.v... trở xuống, là lần lượt giải thích nghi.

Nghi rằng: Là pháp đã không, vì sao phân biệt? Giải thích: “Phân biệt tất cả tức tự tâm phân biệt? Lại nói: Nếu như thế tức nên thấy tâm.

Giải thích: “Tâm chẳng thấy tâm”, ngược lại nói phân biệt đều là luống dối.

Lại nghi: Vì sao tâm chẳng thấy tâm?

Giải thích: “Không có tướng để được”, đây là tâm không tướng nên chẳng thể thấy tâm, ngoài tâm không còn có một pháp, nên biết có thấy gì đều là vọng thấy, Năng sở đã vắng lặng chỉ còn nhất tâm, tức môn pháp không ở sau là nói lên chân tánh, nên kinh nói: “Các huyễn diệt hết, giác tâm bất động”.

